

Bản án số: 193/2019/DS-PT

Ngày: 17-10-2019

V/v: “*yêu cầu tuyên bố hợp đồng
tặng cho tài sản vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về “*yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: C5 khu phố 2, phường B1, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H, cùng địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

* **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: 25/3 Đường số 3, phường B, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Luật sư Vũ Xuân H1; địa chỉ thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Giấy ủy quyền ngày 13/11/2018)

- Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Đội 1, thôn Đ1, xã L2, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Nguyễn Thị H3, địa chỉ: 79 đường H4, Phường Y1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Lê Tiến S1 - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Lê Văn P - Công chức Tư pháp Ủy ban nhân dân thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Bố ông là Nguyễn Văn K (sinh năm 1929) và mẹ ông là Hoàng Thị L (sinh năm 1929) có 06 người con gồm: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị M. Trong quá trình sinh sống, bố mẹ ông tạo lập được một khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói, 01 nhà ngang 01 trệt, 01 lầu gắn liền với diện tích đất 446 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số: B987888 ngày 06/10/1992, thửa đất số 617, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình mang tên bố (Nguyễn Văn K). Do bị bệnh hiểm nghèo nên bố ông đã chết ngày 16/6/2017, trước lúc chết bố không để lại di chúc.

Sau khi bố chết, vợ chồng ông Nguyễn Văn S bà Nguyễn Thị H là người quản lý, sử dụng di sản của bố ông để lại, ông S, bà H lấy lý do đã được bố, mẹ tặng cho quyền sử dụng đất nên đã nhiều lần gây khó khăn, trở ngại cho mẹ ông cũng như các anh, chị, em của ông trong việc thấp hương, cúng giỗ bố cũng như tổ tiên, ông bà, thậm chí còn gây sự, xua đuổi mẹ và các anh, chị, em ra khỏi nhà.

Khi sự việc xảy ra thì ông có hỏi mẹ (bà Hoàng Thị L) và mẹ cho biết là bố, mẹ chưa hề tặng cho ai đất cả. Tuy nhiên mẹ ông kể rằng, có một lần vợ chồng ông S, bà H có mang về một tờ giấy và bảo mẹ ký vào tờ giấy đó để đề

ngộ Nhà nước cấp đổi lại GCNQSDĐ mang tên bố, mẹ vì thẻ đỏ hiện tại cấp quá lâu nên đã bị cũ, nát. Do tuổi cao, mắt kém và tin tưởng vào con nên khi ông S đưa tờ giấy thì mẹ ông không đọc và đã ký vào một tờ giấy duy nhất.

Về bố (ông Nguyễn Văn K), sau một thời gian lâm bệnh nặng được điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện L1, bố ông bị hôn mê sâu nên đã được Bệnh viện huyện L1 chuyển gấp vào Bệnh viện TW Huế ngày 10/3/2017, đến ngày 16/6/2017 thì bố ông qua đời. Do đó, bố ông không thể có mặt trước Chủ tịch UBND thị trấn K1 để ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Lời chứng của ông Lê Tiến S1 - Chủ tịch UBND thị trấn K1 vào hợp đồng tặng cho: “Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia hợp đồng giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã ký/điểm chỉ vào hợp đồng này trước mặt tôi” là hoàn toàn không đúng sự thật. Vì vậy, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/3/2017 giữa ông Nguyễn Văn K, bà Hoàng Thị L với ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H là vô hiệu vì trái pháp luật.

+ Tuyên hủy phần ghi nhận vào ngày 22/3/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện L1 ở trang “Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận” của GNCQSDĐ do UBND huyện L1 cấp cho ông Nguyễn Văn K ngày 06/10/1992, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: 11085/QSDĐ/156QĐ/UB-LT, thửa đất số 617, tờ bản đồ số 0 ở địa chỉ Tổ dân phố 8, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình biến động sang cho ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trái pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do biết được Ủy ban nhân dân huyện L1 đã cấp đổi lại GCNQSDĐ mang tên ông S, bà H nên ngày 01/4/2019, ông Nguyễn Văn B có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung: yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CI 966100, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 51, diện tích 502 m², địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn K1, huyện L1, tỉnh Quảng Bình do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp cho ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2019 và tại phiên hoà giải ngày 18/01/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Vợ chồng ông sống chung trong nhà với bố, mẹ (ông K, bà L). Các anh, chị, em của ông đã trưởng thành và lập gia đình ở riêng, nên bố, mẹ ông đã tặng cho vợ chồng ông thửa đất là tài sản riêng của bố, mẹ. Việc tặng cho tài sản được lập thành văn bản (hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất) ngày 10/3/2017, có

đầy đủ chữ ký của bố, mẹ; tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho tài sản thì cả bố và mẹ đều khoẻ mạnh, tinh táo; có chứng thực của chính quyền địa phương, nên đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị H cũng có ý kiến đồng quan điểm với ông Nguyễn Văn S, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Văn C thống nhất ý kiến như nguyên đơn (ông B) đã trình bày, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Hoàng Thị L trình bày: Vợ chồng bà có 06 người con (đúng như nguyên đơn đã trình bày). Trong quá trình chung sống vợ, chồng bà đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói và một nhà ngang một trệt, một lầu được xây dựng trên thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp GCNQSDĐ số: B987888 ngày 06/10/1992, thửa số 617, tờ bản đồ số 6, diện tích 446 m², tại Tổ dân phố 8 thị trấn K1, huyện L1, mang tên chồng là ông Nguyễn Văn K. Sau khi chồng bà (ông K) qua đời thì vợ chồng con trai là Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị H lấy lý do bố, mẹ đã cho đất nên gây khó khăn trong việc hương khói cho chồng và tổ tiên, ông bà; thậm chí còn gây sự, xua đuổi bà ra khỏi nhà (hiện tại bà L đang đến sống với gia đình ông B). Bà L cho rằng bà chưa hề có ý thức cho con trai (ông S) đất, bà nhớ rằng ông S có bảo bà ký vào một tờ giấy để cấp đổi lại GCNQSDĐ mang tên chồng bà vì GCNQSDĐ cũ đã lâu, cũ nát. Vì cả tin nên bà L đã ký vào một tờ giấy duy nhất mà không biết đó là âm mưu để vợ, chồng ông S, bà H chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà. Ngày 10/3/2017, sau một thời gian điều trị thì chồng bà (ông K) đã lâm vào tình trạng bệnh xấu nên Bệnh viện huyện L1 phải chuyển ông K vào Bệnh viện Trung ương Huế, nên không thể có mặt để ký hợp đồng tặng cho tài sản tại Ủy ban nhân dân thị trấn K1 được. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền lợi cho bà.

- Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị H2 có cùng ý kiến đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

- Ông Lê Văn P trình bày: Vào ngày 10/3/2017, ông Nguyễn Văn S đến UBND thị trấn K1 nhờ ông đến nhà chứng kiến việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn K, bà Hoàng Thị L với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H do ông K tuổi cao nên đi lại khó khăn. Khi đến thì hợp đồng đã được soạn sẵn, ông kiểm tra thì thấy hợp đồng đúng với các quy định của pháp luật. Sau đó ông chứng kiến việc ông K, bà L, ông S, bà H cùng ký vào hợp đồng. Tại thời điểm ký, ông K, bà L, ông S, bà H đều minh mẫn, đều nhận thức được việc ký kết hợp đồng, không ai bị ép buộc, đe dọa. Việc ký hợp đồng tặng cho được thực hiện vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 10/3/2017. Sau

khi các bên cùng ký vào hợp đồng tặng cho thì ông đưa hợp đồng mà các bên đã ký về trụ sở UBND thị trấn K1 để trình Chủ tịch UBND thị trấn là ông Lê Tiến S1 ký chứng thực. Quá trình thực hiện công việc trên đều đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Sau khi Chủ tịch UBND thị trấn ký chứng thực thì ông mang hợp đồng đến giao lại cho ông Nguyễn Văn S để ông Nguyễn Văn S làm biến động đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 122, 127, 129, 131, 132, 457 và Điều 459 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 10, khoản 3, 4 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/3/2017 giữa bên tặng cho: Ông Nguyễn Văn K và bà Hoàng Thị L với bên được tặng cho: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H vô hiệu.

Bà Hoàng Thị L có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L1, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L1 căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng theo đúng quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được các bên xác lập ngày 10/3/2017 là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Hợp đồng tặng cho được ký tại nhà riêng của ông S, sau đó ông P mang hợp đồng đến Ủy ban nhân dân thị trấn K1 để ký chứng thực. Việc chứng thực như vậy là vi phạm khoản 3 Điều 36 Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng

thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Hợp đồng tặng cho không ghi giờ, phút ký chứng thực, theo ông P, hợp đồng tặng cho được ký lúc 15 giờ 15 phút ngày 10/3/2017; theo xác minh tại bệnh viện, ông Kháng nhập viện lúc 10 giờ 10 phút ngày 10/3/2017 nên không thể ký hợp đồng lúc 15 giờ 15 phút. Như vậy, thủ tục chứng thực hợp đồng tặng cho không đúng qui định pháp luật. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của ông S, bà Hồng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo trình bày của ông Lê Văn P, việc ký kết hợp đồng được thực hiện ngay tại nhà riêng của ông Nguyễn Văn S, sau khi các bên (bên tặng cho và bên được tặng cho) ký tên vào hợp đồng thì ông P tự đưa hợp đồng đến trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn K1, huyện L1 để ông Lê Tiến S1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn K1 ký chứng thực. Thủ tục chứng thực hợp đồng như trên là trái với quy định của Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây viết tắt là Nghị định số 23). Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23 quy định: *“Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực”*.

[2] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất gồm 03 trang, nhưng không đánh số trang; trong hợp đồng chỉ có chữ ký của người tặng cho, người được tặng cho ở trang cuối (trang 3), còn người thực hiện chứng thực không hề có chữ ký ở cả ba trang của hợp đồng. Thủ tục chứng thực như trên là trái với quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23: *“Đối với hợp đồng, giao dịch có từ hai trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người chứng thực;...”*.

[3] Về thời gian ký kết hợp đồng: Theo lời trình bày của ông P thì việc ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện tại nhà riêng của ông S vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 10/3/2017, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều minh mẫn, nhận thức được việc ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại Bệnh viện Đa khoa huyện L1, tỉnh Quảng Bình thể hiện ông Nguyễn Văn K đã nhập viện từ 10 giờ 10 phút ngày 10/3/2017; sau khi được khám bệnh, ông K được chẩn đoán bị “K vòm họng” nên Bệnh viện Đa khoa huyện L1 đã chỉ định chuyển ông K vào Bệnh viện Trung ương Huế để điều trị trong ngày 10/3/2017. Do đó, tại thời điểm 15 giờ 15 phút ngày 10/3/2017 ông K không còn có mặt tại nhà riêng để tham gia ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như lời trình bày của ông P.

[4] Như vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông K, bà L với bên được tặng cho là ông S, bà H có vi phạm về hình thức, không tuân thủ trình tự, thủ tục chứng thực theo quy định tại Nghị định số 23, dẫn đến không xác định được hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông K, bà L với bên được tặng cho là ông S, bà H được xác lập vào thời gian cụ thể nào; người chứng thực hợp đồng không trực tiếp chứng kiến việc các bên tham gia ký kết hợp đồng nên không có căn cứ để xác định ý chí của bên tặng cho có tự nguyện tặng cho ông S, bà H quyền sử dụng đất của mình hay không. Bà L có lời khai vào ngày 10/3/2019 khẳng định vợ chồng bà chưa hề có ý định tặng cho ông S, bà H quyền sử dụng đất.

[5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông K, bà L với bên được tặng cho là ông S, bà H vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông S và bà H đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được các bên xác lập ngày 10/3/2017 là hợp pháp.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; tuy nhiên do ông S, bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ:

- Điều 117, 122, 129, 131, 132, 457 và 459 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3, 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

2. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/3/2017 giữa bên tặng cho ông Nguyễn Văn K và bà Hoàng Thị L với bên được tặng cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H vô hiệu.

3. Bà Hoàng Thị L có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L1, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L1 căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005126 ngày 19/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự